TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mến

Ông Nguyễn Văn Sơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên toà:*** Bà Bùi Thành Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thanh T2** sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 06/3/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T2 trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc D thành hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ngày 27/11/2008. Vợ chồng sống chung thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng bất đồng quan điểm thường xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2013 anh D bị tai nạn, gia đình đưa anh về quê chăm sóc nên giữa chị và anh D đã cắt đứt quan hệ vợ chồng khoảng 05 năm nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, yêu cầu được ly hôn với anh D. Về con chung, thời gian

chị và anh D sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Mai T3, sinh ngày 19/11/2010 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Nguyễn Quốc D, đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía anh D không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Quốc D tại phiên toà hôm nay.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, riêng bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không gởi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên hòa giải phiên hợp, phiên tòa là vi phạm quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thanh T2 được ly hôn với anh Nguyễn Quốc D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Mai T3, sinh ngày 19/11/2010 cho chị Nguyễn Thanh T2 tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Mai T3, chị T2 là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị miễn xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị T2 xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

- Về án phí: Đề nghị buộc chị T2 nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Quốc D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Nguyễn Thanh T2 và anh Nguyễn Quốc D thành hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ngày 27/11/2008 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Quá trình chung sống chị Nguyễn Thanh T2 trình bày có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và từ năm 2014, sau khi anh D bị tại, cha mẹ ruột anh D đưa anh D về chăm sóc, chị T2 và anh D đã cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án có tống đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ nguyên đơn đã nộp, thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Nguyễn Quốc D. Nhưng anh D không gởi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T2 và không tham gia các phiên hòa giải. Chứng tỏ, anh D không mong muốn vợ chồng đoàn tụ, thống nhất nội dung trình bày trong đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T2 và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T2 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thanh T2 và anh Nguyễn Quốc D có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Mai T3, sinh ngày 19/11/2010 hiện đang sống chung với chị T2. Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2018 bà Nguyễn Thị M mẹ ruột anh D trình bày: Trước đây anh D công tác tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Long, năm 2013 anh D bị tai nạn chấn thương họp sọ, mất 01 cánh tay nên đã ra quân về sống chung với gia đình bà tại ấp Ô, xã T1. Sau khi anh D bị tai nạn, chị T2 và anh D cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Con chung của anh D và chị T2 do chị T2 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ khi vợ chồng anh D ly thân đến nay. Bà xác định chị T2 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai T3 chu đáo và cho học hành đầy đủ. Mặc khác, tại bản tự khai ngày 20/6/2018, cháu Mai T3 trình bày có nguyện vọng là tiếp tục sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Mai T3 là bé gái nên cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ sẽ đảm bảo cho việc phát triển sau này của bé và theo nguyện vọng của bé nên cần giao cháu Nguyễn Ngọc Mai T3, sinh ngày 19/11/2010 cho chị Nguyễn

Thanh T2 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con nhưng chị Nguyễn Thanh T2 là người đang trực tiếp nuôi con, chị T2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị Nguyễn Thanh T2 yêu cầu ly hôn nên chị T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T2.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T2 ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Quốc D.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Mai T3, sinh ngày 19/11/2010 cho chị Nguyễn Thanh T2 tiếp tục nuôi dưỡng. anh Nguyễn Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T2 nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014548 ngày 17/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị T2 không phải nộp tiếp.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T1 (Theo GCN KH số 95, quyển I, ngày 27/11/2008;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga